

**CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH TPS VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH TPS VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TPS VIET NAM ALLIANCE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TPS ALLIANCE JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109189378

**3. Ngày thành lập:** 19/05/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 12 tòa nhà Licogi 13, số 164 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                | 1030        |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                          | 4632(Chính) |
| 3.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                            | 4633        |
| 4.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                        | 4711        |
| 5.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)<br>- Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)<br>- Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác               | 4719        |
| 6.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                           | 4721        |
| 7.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                            | 4722        |
| 8.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                              | 4723        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                             | 8299        |
| 10. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                   | 8230        |
| 11. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                                                                  | 4912        |
| 12. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                              | 4933        |
| 13. | Vận tải hàng hóa hàng không                                                                                                                                                                                                 | 5120        |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                                                                    | 5221        |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                                   | 5222        |
| 16. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                            | 5224        |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển<br>- Logistics<br>- Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu<br>(trừ vận tải hàng không) | 5229        |
| 18. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                              | 4631        |
| 19. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                             | 0810        |
| 20. | Khai thác quặng sắt                                                                                                                                                                                                         | 0710        |
| 21. | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt                                                                                                                                                                                | 0722        |
| 22. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết:<br>- Quán rượu, bia, quầy bar<br>- Quán cà phê, giải khát<br>- Dịch vụ phục vụ đồ uống khác                                                                                            | 5630        |
| 23. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo                                                                                                                                                                                       | 4634        |

**6. Vốn điều lệ:** 4.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức    | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN NGỌC HUY | 132A Ngõ Quỳnh, tổ 35, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 100.000    | 1.000.000.000         | 22,220    | 033072001922                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                         | Tổng số                   | 100.000    | 1.000.000.000         | 22,220    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                         |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | HOÀNG TRIỆU TẤN | Xóm Hợp Liên, Xã Đồng Hợp, Huyện Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông         | 100.000    | 1.000.000.000         | 22,220    | 186640929                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                         | Tổng số                   | 100.000    | 1.000.000.000         | 22,220    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                         |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                                                               |                                    |         |               |        |                  |
|---|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | HÀ HUY<br>THANH  | 109 Nguyễn Thị<br>Định, Phường<br>Bắc Cường,<br>Thành phố Lào<br>Cai, Tỉnh Lào<br>Cai, Việt Nam               | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 80.000  | 800.000.000   | 17,780 | 063481177        |
|   |                  |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                                               | Tổng số                            | 80.000  | 800.000.000   | 17,780 |                  |
|   |                  |                                                                                                               |                                    |         |               |        |                  |
| 4 | DƯƠNG ANH<br>SON | 16/19/30 đường<br>Trần Nguyên<br>Hãn, Phường Cát<br>Dài, Quận Lê<br>Chân, Thành phố<br>Hải Phòng, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 170.000 | 1.700.000.000 | 37,780 | 0310780054<br>40 |
|   |                  |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                                               | Tổng số                            | 170.000 | 1.700.000.000 | 37,780 |                  |
|   |                  |                                                                                                               |                                    |         |               |        |                  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: DƯƠNG ANH SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 15/04/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 031078005440

Ngày cấp: 01/11/2018

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *16/19/30 đường Trần Nguyên Hãn, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *16/19/30 đường Trần Nguyên Hãn, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội